

Số: 300/QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 7 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ  
của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 8 năm 2021. Áp dụng đối với khóa tuyển sinh sau ngày Quyết định có hiệu lực thi hành và thay thế Quyết định số 521/QĐ-ĐHCNQN ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 146A/QĐ-ĐHCNQN ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Giám hiệu (2);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VT, ĐT (03).



TS. Hoàng Hùng Thắng



## QUY CHẾ

### Đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)*

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về công tác tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên của Nhà trường.

2. Quy chế này áp dụng để tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy, hình thức vừa làm vừa học đối với sinh viên của tất cả các hệ đào tạo, các khoá đào tạo và chương trình liên kết đào tạo của trường.

#### **Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập**

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện để tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo.

2. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và khối lượng học tập riêng theo từng ngành.

3. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

4. Chương trình đào tạo được Nhà trường công bố công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.



5. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên.

a. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo trình độ đại học chính quy đối với tất cả các ngành đào tạo của trường là 4 năm.

b. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo đại học vừa làm vừa học đối với các ngành đào tạo là 5 năm.

6. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo đại học chính quy là 8 năm. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo đại học vừa làm vừa học là 10 năm.

7. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

8. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo thực hiện trong toàn trường, với khối lượng của mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học không dưới 120 tín chỉ đối với khóa đào tạo đại học 4 năm.

### **Điều 3. Đề cương chi tiết học phần**

1. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ học phần.

2. Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ký ban hành chương trình chi tiết học phần để các đơn vị triển khai thực hiện trong toàn trường.

### **Điều 4. Học phần và Tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ (đối với những học phần có khối lượng lớn hơn 4 tín chỉ, căn cứ vào tình hình cụ thể Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế). Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của trường quy định.



2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ giảng lý thuyết; 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

4. Một giờ giảng theo tín chỉ được tính bằng 50 phút.

### **Điều 5. Phương thức tổ chức đào tạo**

1. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh thống nhất lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và các hình thức đào tạo từ khóa tuyển sinh đại học sau ngày Quy chế này có hiệu lực.

2. Đào tạo theo tín chỉ:

a. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường;

b. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo của Nhà trường.

3. Trong quá trình tổ chức đào tạo, nếu thấy cần thiết phải thay đổi phương thức đào tạo cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của Nhà trường. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo là đơn vị thường trực, phối hợp với các Khoa chủ động tham mưu, đề xuất để Hiệu trưởng xem xét quyết định triển khai thực hiện.

### **Điều 6. Hình thức đào tạo**

1. Đào tạo chính quy:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại cơ sở đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở của trường;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của trường.



## 2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại cơ sở của Nhà trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 7 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở của trường, cơ sở phối hợp đào tạo;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

### **Điều 7. Liên kết đào tạo**

1. Liên kết đào tạo chỉ được thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Các yêu cầu tối thiểu của trường khi tổ chức liên kết đào tạo:

a. Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng trường đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b. Chương trình đào tạo trình độ đại học của trường dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khóa liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 thì yêu cầu chương trình đào tạo của trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c. Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d. Nhà trường đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở phối hợp liên kết đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp khi tổ chức liên kết đào tạo:

a. Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b. Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b. Nhà trường chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ



chức tuyển sinh. Nếu trong trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở của Nhà trường để tiếp tục đào tạo theo quy định và đảm bảo quyền lợi cho sinh viên;

c. Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng với Nhà trường bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy theo thỏa thuận giữa hai bên đã ký trong hợp đồng liên kết đào tạo;

d. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

## **Chương II**

### **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

#### **Điều 8. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả các hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời trước khi bắt đầu năm học.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần học của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Khoá học tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đối với đào tạo trình độ đại học hệ chính quy được thực hiện 4 năm, đối với trình độ đại học hệ vừa làm vừa học được thực hiện 5 năm.



b. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Tùy điều kiện cụ thể và theo nguyện vọng của sinh viên, trường có thể tổ chức thêm kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Việc tổ chức thêm kỳ học phụ căn cứ vào kết quả tuyển sinh, quy mô đào tạo và tình hình thực tế, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét quyết định. Học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học và 1 tuần thi.

c. Hình thức học đối với các lớp trong từng học kỳ là bố trí phân theo từng lớp học phần, giờ lên lớp theo kế hoạch, thời khóa biểu của Nhà trường. Các lớp học phần được sắp xếp theo từng học kỳ, từng năm học được thực hiện tại cơ sở đào tạo (cơ sở 1 hoặc cơ sở 2) của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

### **Điều 9. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định của trường. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Phòng Công tác học sinh sinh viên quản lý.

2. Sau khi xét thấy đủ điều kiện nhập học, Trung tâm Tuyển sinh - Thông tin & Truyền thông trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Nhà trường. Sau đó Phòng Công tác học sinh sinh viên có trách nhiệm cấp cho sinh viên: Thẻ sinh viên, mã số sinh viên; Sổ đăng ký học tập và các giấy tờ khác theo quy định của Nhà trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

### **Điều 10. Tổ chức đăng ký học tập**

1. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường sẽ thông báo cho sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chung toàn trường.

2. Sinh viên học theo tín chỉ phải đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, bao gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) trên cơ sở danh sách những học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Cố vấn học tập có trách nhiệm định hướng, hướng dẫn việc đăng ký học và ký xác nhận vào phiếu đăng ký học tập cho từng sinh viên.

4. Việc tổ chức đăng ký học tập cho sinh viên được thực hiện như sau:



a. Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

b. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng Đào tạo của trường. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ (đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn): Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng; Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần; Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

Tùy điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng xem xét, quyết định các hình thức đăng ký và thời gian đăng ký thích hợp.

5. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a. Khối lượng tối thiểu không ít hơn  $\frac{2}{3}$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b. Khối lượng tối đa không vượt quá  $\frac{3}{2}$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c. Không quy định khối lượng học tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ. Nhưng khối lượng đăng ký ở học kỳ phụ tối đa không vượt quá 6 tín chỉ. ✓

6. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp loại học lực yếu, kém chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ.

7. Quy trình đăng ký học của sinh viên trong từng học kỳ:

a. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

b. Cách thức đăng ký: Sinh viên đăng ký học qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và gửi Phiếu đăng ký khối lượng học tập về Phòng Đào tạo.

c. Phòng Đào tạo của trường chỉ nhận Phiếu đăng ký học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của Cố vấn học tập theo đúng mẫu quy định. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được sinh viên ghi chi tiết, cụ thể vào sổ đăng ký học tập để sinh viên chủ động, tự rà soát, theo dõi tiến trình học tập của mình so với chương trình đào tạo của Nhà trường.



## **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, trong 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- a. Sinh viên phải tự viết đơn gửi về Phòng Đào tạo của trường;
- b. Được cố vấn học tập đồng ý và ký xác nhận vào đơn của sinh viên;
- c. Không vi phạm khoản 5 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách giảng dạy nhận giấy báo của Phòng Đào tạo.

## **Điều 12. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a. Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b. Phát huy vai trò chủ động, đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường; nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo của Nhà trường;

c. Chủ động và tăng cường công tác thanh tra, giám sát nội bộ theo từng học kỳ. Đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên số liệu thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Dạy và học trực tuyến:

a. Nhà trường sẽ tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đã đáp ứng đủ các yêu cầu của các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng. Đồng thời, đã có các giải pháp đảm bảo chất lượng để minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp;

b. Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% (tương đương với 45 tín chỉ) tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, việc dạy và học trực tuyến của Nhà trường sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c. Căn cứ vào chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên và điều kiện cụ thể của Nhà trường khi đã đáp ứng đủ các yêu cầu về: Hệ thống công nghệ thông tin,



và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng; bài giảng, giáo trình; tài liệu, học liệu học tập cho sinh viên ... Trưởng các Khoa quản lý các ngành, chuyên ngành lựa chọn và đề xuất Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo) danh sách những học phần trong chương trình đào tạo để tổ chức dạy và học trực tuyến đảm bảo khối lượng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này;

d. Trên cơ sở danh sách đề xuất các học phần dạy và học trực tuyến của các Khoa. Phòng Đào tạo tổ chức rà soát, tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt để triển khai thực hiện trước khi vào năm học mới ít nhất 01 tháng.

3. Phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng có trách nhiệm xây dựng quy định việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp trong toàn trường và tổ chức công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ và hình thức công khai.

### **Điều 13. Tổ chức lớp học**

Lớp học được tổ chức dưới hai hình thức:

1. Lớp học chuyên ngành được tổ chức theo khóa tuyển sinh và theo chuyên ngành đào tạo mà sinh viên đăng ký theo học, duy trì trong cả khóa học, có hệ thống cán bộ lớp, cán bộ đoàn và hội sinh viên. Số lượng sinh viên tối thiểu để mở và thành lập lớp chuyên ngành là 10 sinh viên.

Trường hợp đặc biệt, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét quyết định số lượng sinh viên thấp hơn so với quy định trên cho phù hợp với điều kiện tuyển sinh của Nhà trường để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

2. Lớp học học phần (lớp học phần) được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học học phần được quy định cụ thể như sau: 40 sinh viên đối với các học phần giáo dục đại cương; 20 sinh viên đối với các học phần cơ sở ngành và bổ trợ; 10 sinh viên đối với các học phần chuyên ngành. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên lớp học phần thấp hơn so với quy định trên cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

3. Cố vấn học tập: Mỗi lớp chuyên ngành có một giảng viên được giao nhiệm vụ là cố vấn học tập làm nhiệm vụ quản lý và tư vấn học tập cho sinh viên trong lớp. Tổ chức hoạt động của lớp chuyên ngành, vai trò, nguyên tắc hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cố vấn học tập được ghi cụ thể trong Quy định công tác Cố vấn học tập hiện hành của Nhà trường.



### Chương III

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

### Điều 14. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần (điểm chuyên cần, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần; điểm chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả tham quan, thực tập và điểm chấm báo cáo tham quan, thực tập) được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần, cụ thể:

a. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần (trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%) thực hiện theo công thức sau:

Điểm học phần	=	Điểm chuyên cần x 0.1	+	Điểm quá trình x 0.3	+	Điểm thi kết thúc học phần x 0.6
---------------	---	-----------------------	---	----------------------	---	----------------------------------

b. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành theo quy định. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Đối với học phần tham quan thực tế và học phần thực tập ngoài trường: Điểm học phần bao gồm: điểm chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả tham quan, thực tập do giảng viên làm trưởng đoàn quản lý đánh giá và điểm kết quả đánh giá báo cáo thực tập của sinh viên (việc đánh giá báo cáo của sinh viên bằng hình thức chấm hoặc hỏi vấn đáp trực tiếp báo cáo do trưởng Bộ môn quyết định) Điểm học phần tham quan, thực tập được tính như sau:

Điểm học phần	=	Điểm chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả tham quan, thực tập x 0.5	+	Điểm đánh giá báo cáo thực tập x 0.5
---------------	---	--	---	--------------------------------------

d. Giảng viên được phân công giảng dạy học phần có trách nhiệm trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.



2. Đối với hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau:

a. Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b. Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c. Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ theo đúng quy định;

d. Việc tổ chức đánh giá bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định riêng của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

3. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a. Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: Từ 8,5 đến 10,0;

B: Từ 7,0 đến 8,4;

C: Từ 5,5 đến 6,9;

D: Từ 4,0 đến 5,4.

Loại đạt có phân mức được quy đổi giữa thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm 4

Thang điểm 10				Điểm chữ	Thang điểm 4
Từ	8,5	÷	10	A	4,0
Từ	7,0	÷	8,4	B	3,0
Từ	5,5	÷	6,9	C	2,0
Từ	4,0	÷	5,4	D	1,0
Dưới 4,0				F	0

Căn cứ kết quả bảng trên, việc xếp loại học tập của học phần được tính như sau:

Loại Giỏi: A ( $8,5 \div 10$ );

Loại Khá: B ( $7,0 \div 8,4$ );

Loại Trung bình: C ( $5,5 \div 6,9$ );

Loại yếu: D ( $4,0 \div 5,4$ );

Loại kém: F (dưới 4,0).



b. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình trung học tập:

P: Từ 5,0 trở lên.

c. Loại không đạt:

F: Dưới 4,0.

d. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

a. Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy chế này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b. Sinh viên đã có điểm học phần đạt, được đăng ký học lại một lần để cải thiện điểm. Điểm học lại của sinh viên được tính là điểm chính thức của học phần;

c. Sinh viên được phép thi lại (một lần), đánh giá lại một điểm thành phần (một lần) để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt. Điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn tối đa ở mức điểm C.

6. Trong trường hợp đặc biệt do yếu tố khách quan. Phòng Đào tạo rà soát, tổng hợp danh sách sinh viên và tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét mở lớp học cho phù hợp với thời gian, điều kiện thực tế đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

7. Việc đánh giá và tính điểm học phần phải đảm bảo nguyên tắc và yêu cầu:

a. Nghiêm túc, minh bạch, khách quan, tin cậy và trung thực;

b. Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khóa học, các hình thức đào tạo; công bằng giữa sinh viên Việt Nam và sinh viên Quốc tế.

### **Điều 15. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi chính dành cho những sinh viên tham gia tối thiểu 70% số tiết học trên lớp có sự hướng dẫn của giảng viên. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và những sinh viên thuộc điểm c khoản 5 Điều 14 của Quy chế này. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Lịch thi kết thúc các học phần được công bố cho sinh viên với thời gian ít nhất trước 1 tuần của kỳ thi.



3. Khi vào phòng thi, sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên hoặc chứng minh nhân dân hay thẻ CCCD và phải ngồi theo đúng quy định. Nếu thi vấn đáp, số lượng sinh viên vào phòng thi không được quá 30 sinh viên cho 1 ca chuẩn bị bài thi, thời gian chuẩn bị bài không được quá 45 phút.

4. Sinh viên xin hoãn thi phải có đơn và được Trưởng Khoa đồng ý. Căn cứ vào danh sách đơn xin hoãn thi, cán bộ coi thi có trách nhiệm ghi rõ các trường hợp vắng thi có lý do hay không có lý do vào danh sách sinh viên dự thi. Đơn xin hoãn thi phải được đưa vào túi niêm phong cùng với bài thi. Mọi lý do vắng thi trình bày sau khi Khoa đã nộp bảng điểm học phần đều không được chấp nhận.

5. Khiếu nại điểm và sửa điểm:

a. Đối với điểm kiểm tra định kỳ, sinh viên có thể khiếu nại trực tiếp với Bộ môn, Khoa sau khi công bố điểm.

b. Đối với điểm thi kết thúc học phần:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, sau khi được thông báo kết quả thi học phần, sinh viên có thể làm đơn xin phúc khảo điểm thi gửi cho Khoa để chuyển cho Phòng Đào tạo để thực hiện việc phúc khảo điểm bài thi cho sinh viên. Sau thời hạn này, mọi yêu cầu sửa điểm đều không được chấp nhận. Kết quả phúc khảo phải được chuyển về Phòng Đào tạo của trường và được thông báo cho sinh viên có đơn phúc khảo, Khoa, Bộ môn và các lớp liên quan chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo.

c. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm truy nhập từ hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, sinh viên có trách nhiệm làm đơn đề nghị Nhà trường (qua Phòng Đào tạo) kiểm tra lại các điểm tương ứng.

d. Khi muốn xem điểm kết thúc học phần, sinh viên sẽ xem trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo.

### **Điều 16. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc thi trực tuyến nếu đã chuẩn bị đủ các điều kiện. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.



4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên không thống nhất được điểm chấm thi trình Trưởng Bộ môn quyết định.

5. Giảng viên giảng dạy học phần có trách nhiệm nhập các điểm đánh giá bộ phận (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường kỳ,...) và điểm thi kết thúc học phần vào phần mềm quản lý đào tạo. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại Bộ môn, một bản lưu tại Khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo của trường (bản gốc), thời gian chậm nhất gửi kết quả và công bố điểm thi cho sinh viên là một tuần kể từ ngày tổ chức thi.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này được phép dự thi thêm một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó.

7. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính kết thúc học phần được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

### **Điều 17. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a. Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b. Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c. Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

- A quy đổi thành 4;
- B quy đổi thành 3;
- C quy đổi thành 2;
- D quy đổi thành 1;
- F quy đổi thành 0.



3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$ ;

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ ;

$n$  là tổng số học phần.

5. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a. Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b. Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

6. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức xét học vụ và xếp loại học lực cho sinh viên. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi



học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi. Thời gian xét thôi học, xếp hạng học lực và xếp hạng tốt nghiệp được thực hiện một lần sau mỗi học kỳ.

### **Điều 18. Xếp hạng trình độ năm học**

1. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Trình độ năm học</b>	<b>Cách tính chung</b>	<b>Cách tính quy ra số tín chỉ tương đương</b>
1	Trình độ năm thứ nhất	$N < M$	$N < 37$
2	Trình độ năm thứ hai	$M \leq N \leq 2M$	$37 \leq N \leq 74$
3	Trình độ năm thứ ba	$2M \leq N \leq 3M$	$74 \leq N \leq 111$
4	Trình độ năm thứ tư	$3M \leq N \leq 4M$	$111 \leq N \leq 148$
5	Trình độ năm thứ năm	$4M \leq N \leq 5M$	$148 \leq N \leq 185$

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a. Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b. Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ (nếu có) được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp hạng sinh viên về học lực.

### **Điều 19. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a. Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 TC;

b. Điểm chung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c. Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba, dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.



2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:
  - a. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập ở hai học kỳ liên tiếp;
  - b. Thời gian học tập vượt quá giới hạn thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này;
  - c. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ trong kỳ thi kết thúc học phần;
  - d. Không đăng ký học, tự ý bỏ học không có lý do ở một học kỳ chính;
  - đ. Điểm trung bình chung học kỳ bằng không ở một học kỳ chính.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp sinh viên có nhu cầu học ở các chương trình đào tạo có trình độ thấp hơn hoặc chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng của trường, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại khoản 2 của Điều này được quyền xin (làm đơn) xét chuyên qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy đối với từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 20. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Căn cứ vào kết quả học tập của người học tại khoản 1 Điều này. Nhà trường thành lập Hội đồng chuyên môn (Hội đồng chuyên môn gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, ủy viên thường trực là Trưởng phòng Đào tạo và các ủy viên khác do các Khoa chuyên môn đề xuất) để xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a. Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b. Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c. Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Nhà trường thực hiện công khai việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo đúng quy định. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.



## **Điều 21. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp**

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a. Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của trường. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 7 tín chỉ;

b. Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp, hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, trách nhiệm của Bộ môn và Khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy định về điều kiện, hình thức và thời gian làm khoá luận tốt nghiệp, hình thức chấm và trách nhiệm của giảng viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

3. Tùy vào thực tế, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập cuối khoá (thực tập tốt nghiệp).

## **Điều 22. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp**

1. Hiệu trưởng ban hành quyết định về danh sách giảng viên đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp do các Khoa đề xuất (thông qua Phòng Đào tạo).

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của 2 loại điểm: điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên chấm phản biện hoặc điểm bảo vệ đồ án khoá luận tốt nghiệp (căn cứ vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo việc chấm hay tổ chức bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên do Trường Bộ môn quyết định).

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

## **Điều 23. Công nhận tốt nghiệp cho sinh viên**

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,0 trở lên;



c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d. Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.

đ. Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường.

đ. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đối với sinh viên đã có đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá học.

2. Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần/năm. Thời gian xét tốt nghiệp sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Trước khi xét, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện để công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này. Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp thông qua Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, Trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng Phòng công tác học sinh sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp sẽ được Nhà trường cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

7. Đối với những sinh viên không tốt nghiệp khi đã hết thời gian đào tạo tối đa được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy. Việc bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy cho sinh viên chỉ áp dụng khi sinh viên đã hết thời gian đào tạo tối đa và nộp hồ sơ dự thi tuyển sinh đầu vào (hoặc xét tuyển) và trúng



tuyển nhập học vào đại học hệ chính quy hoặc đại học hệ vừa làm vừa học của Nhà trường. Thời gian bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy cho sinh viên là 4 năm tính từ thời điểm sinh viên hết thời gian đào tạo tối đa.

8. Đối với những sinh viên đã hết thời gian học chính quy được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa tương ứng (nếu có) của trường nếu còn thời gian học tập theo thời gian quy định học hình thức vừa làm vừa học.

9. Những trường hợp đặc biệt, Phòng Đào tạo rà soát, tổng hợp tham mưu cho Hiệu trưởng để xem xét quyết định.

#### **Điều 24. Cấp bằng tốt nghiệp tốt nghiệp cho sinh viên**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b. Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c. Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d. Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 5 Điều 17 của Quy chế này. Trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b. Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào phụ lục văn bằng theo từng học phần. Trong phụ lục văn bằng còn phải ghi chuyên ngành đào tạo.

4. Việc cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế của Nhà trường.

### **Chương IV**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

##### **Điều 25. Sinh viên nghỉ ốm hoặc nghỉ do thiên tai dịch bệnh**

Sinh viên xin nghỉ ốm, nghỉ do thiên tai dịch bệnh trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép nghỉ học, nghỉ thi và gửi Trưởng Khoa trong vòng một tuần kể từ ngày nghỉ ốm (kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện) hoặc nghỉ do thiên tai dịch bệnh.



## **Điều 26. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng qua Phòng Công tác học sinh xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d. Vì lý do cá nhân khác đã phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu các nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Sinh viên xin thôi học muốn được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy thì trước khi xin thôi học sinh viên phải làm đơn đề nghị (thông qua Phòng Đào tạo) và được Hiệu trưởng đồng ý.

4. Sinh viên thuộc khoản 1 và khoản 3 Điều này khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng qua phòng Công tác học sinh, sinh viên ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Phòng Công tác học sinh, sinh viên có trách nhiệm xây dựng quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học đối với những sinh viên để thực hiện.

## **Điều 27. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển trường, chuyển hình thức học cho sinh viên**

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang một chương trình, một ngành đào tạo khác hoặc một phân hiệu khác của trường hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính (nếu có) của trường khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này;
- b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo của trụ sở chính hoặc phân hiệu đào tạo của trường trong cùng khoá tuyển sinh;



c. Nhà trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý chương trình, ngành đào tạo và của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

2. Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có đủ các điều kiện sau:

a. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này;

b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khoá tuyển sinh tại trường chuyển đến;

c. Trường chuyển đến có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và Hiệu trưởng trường xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

### **Điều 28. Quy trình, thủ tục chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển trường, chuyển hình thức học**

1. Đối với sinh viên xin chuyển chương trình, chuyển ngành đào tạo:

a. Sinh viên tự nguyện viết đơn và cam kết phải học và đóng học phí đầy đủ các học phần chưa học khi chuyển sang học chương trình, ngành đào tạo khác;

b. Sinh viên nộp đơn có chữ ký của Trưởng Khoa quản lý chương trình, ngành đào tạo về trường (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo tổng hợp, rà soát đơn của sinh viên trình Hiệu trưởng xem xét giải quyết;

c. Thời gian sinh viên nộp đơn xin chuyển chương trình, ngành đào tạo thực hiện trước khi bắt đầu vào học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 của năm học tối thiểu 30 ngày.

2. Đối với sinh viên của cơ sở đào tạo khác xin chuyển về trường:

a. Sinh viên viết đơn xin chuyển trường và được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi;





b. Sinh viên nộp đơn xin chuyển trường đã có chữ ký của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo tổng hợp đơn của sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt;

c. Sau khi đơn xin chuyển trường của sinh viên đã được Hiệu trưởng của hai trường đồng ý. Sinh viên rút hồ sơ từ trường xin chuyển đi về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, hồ sơ gồm: Đơn xin chuyển trường của sinh viên đã có đầy đủ chữ ký của Hiệu trưởng hai trường; Quyết định chuyển trường của trường xin chuyển đi; Kết quả học tập của sinh viên có đầy đủ chữ ký của đơn vị quản lý đào tạo tính đến thời điểm xin chuyển; chứng chỉ GDQP&AN (nếu có) và toàn bộ hồ sơ tuyển sinh nhập học đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Phòng Đào tạo tiếp nhận Hồ sơ chuyển trường của sinh viên. Tổ chức rà soát, tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng công nhận kết quả học tập chuyển đổi tín chỉ đã học cho sinh viên. Soạn thảo Quyết định tiếp nhận sinh viên chuyển trường trình Hiệu trưởng ký ban hành;

đ. Thời gian sinh viên nộp đơn xin chuyển về trường thực hiện trước khi bắt đầu vào học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 của năm học tối thiểu 15 ngày;

e. Những trường hợp đặc biệt, chưa có trong Quy chế này. Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết.

3. Đối với sinh viên của Nhà trường xin chuyển đi sang cơ sở đào tạo khác:

a. Sinh viên viết đơn xin chuyển trường (được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý ngành đào tạo) và hoàn thành công nợ (nếu có);

b. Sinh viên nộp đơn xin chuyển trường (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo tổng hợp đơn của sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt;

c. Trên cơ sở đơn chuyển trường đã được Hiệu trưởng hai trường đồng ý. Phòng Đào tạo soạn thảo Quyết định chuyển trường cho sinh viên và trình Hiệu trưởng ký ban hành. Sau khi có Quyết định chuyển trường của Hiệu trưởng, Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát và xác nhận kết quả học tập, Phòng Công tác HSSV kiểm tra công nợ và trả toàn bộ hồ sơ tuyển sinh đầu vào cho sinh viên.

4. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

b. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

5. Đối với sinh viên của Nhà trường xin chuyển hình thức đào tạo:



a. Sinh viên viết đơn xin chuyển hình thức đào tạo từ chính quy sang hình thức vừa làm vừa học (không cho phép chuyển từ hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa sang hình thức đào tạo chính quy). Đơn của sinh viên phải được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý ngành đào tạo;

b. Sinh viên nộp đơn xin chuyển hình thức đào tạo (qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo tổng hợp đơn của sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt;

c. Phòng Đào tạo rà soát công nhận kết quả học tập và soạn thảo Quyết định chuyển hình thức đào tạo cho sinh viên trình Hiệu trưởng ký ban hành;

d. Đối với những trường hợp đặc biệt, Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết.

### **Điều 29. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

1. Việc trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo được thực hiện trên cơ sở quy định về công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của Nhà trường được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được Hiệu trưởng của hai trường đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Trong hợp tác đào tạo giữa hai trường, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

4. Việc trao đổi sinh viên, hợp tác trong đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo phải thực hiện việc công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

### **Điều 30. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:



a. Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b. Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 6, Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Nhà trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng về chỉ tiêu tuyển sinh và năng lực đào tạo.

### **Điều 31. Quy trình, thủ tục, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai cho sinh viên**

1. Sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30 của Quy chế này, có nhu cầu và làm đơn để đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng. Đơn của sinh viên phải được sự đồng ý của Cố vấn học tập và Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo.

2. Sinh viên nộp đơn để đăng ký học thêm một chương trình thứ hai (thông qua Phòng Đào tạo). Phòng Đào tạo rà soát, đối chiếu các điều kiện theo quy định tại Điều 28, nếu đáp ứng đủ thì trình đơn của sinh viên để Hiệu trưởng xét duyệt.

3. Trên cơ sở đơn của sinh viên đã được sự đồng ý của Hiệu trưởng, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng công nhận điểm của các học phần đã học tích lũy ở chương trình thứ nhất cho sinh viên.

4. Khi đảm bảo đủ các điều kiện, Phòng Đào tạo hoàn thiện thủ tục và trình Hiệu trưởng ký Quyết định cho phép sinh viên học chương trình thứ hai.



5. Thời gian nhận đơn để duyệt xét cho sinh viên có nguyện vọng đăng ký học chương trình thứ hai được thực hiện trước khi bắt đầu vào học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 của năm học tối thiểu 30 ngày.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đảm bảo thời gian tối đa được phép học cho chương trình thứ nhất được quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy chế này.

### **Điều 32. Học liên thông đối với người có văn bằng khác**

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của Nhà trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác, khi Nhà trường đã áp dụng thống nhất phương thức đào tạo theo tín chỉ và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khoá theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

### **Điều 33. Quy định điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông**

1. Điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

a. Người tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng có thể học tiếp các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp, hoặc theo hướng chuyên môn khác nếu đáp ứng được các điều kiện của chương trình đào tạo.

b. Người dự tuyển liên thông phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có một trong các văn bằng dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp. Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



c. Tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

- Tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học được thực hiện theo các phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp đăng ký tuyển sinh liên thông lên trình độ đại học, được dự tuyển sinh cùng với thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông ở kỳ tuyển sinh vào đại học của Nhà trường.

- Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng đăng ký tuyển sinh liên thông lên trình độ đại học, được dự tuyển sinh liên thông theo các hình thức: Dự tuyển sinh cùng với thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông ở kỳ tuyển sinh vào đại học hàng năm của trường hoặc dự thi tuyển sinh liên thông riêng do Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tự ra đề thi và tổ chức thi tuyển. Các môn thi tuyển sinh liên thông riêng bao gồm: môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành hoặc thực hành nghề. Việc tổ chức tuyển sinh, xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển thực hiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông đối với người đã tốt nghiệp đại học.

a. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông tiếp các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp, hoặc theo hướng chuyên môn khác nếu đáp ứng được các điều kiện của chương trình đào tạo.

b. Người đã tốt nghiệp đại học dự tuyển liên thông phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có một trong các văn bản dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học và bảng điểm đại học (hoặc phụ lục văn bằng đại học) do các cơ sở đào tạo trong nước cấp;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học và bảng điểm đại học (hoặc phụ lục văn bằng đại học) do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Việc miễn thi áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ chính quy hoặc hệ không chính quy trong cùng nhóm ngành đã học và tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;



- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ không chính quy thuộc nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, ngoại ngữ của trường;

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ không chính quy thuộc nhóm ngành kinh tế, ngoại ngữ.

d. Hình thức thi áp dụng đối với trường hợp sau:

- Những người không thuộc diện miễn thi nêu tại điểm c khoản 2 điều này và những người đăng ký học để lấy bằng đại học thứ hai hệ chính quy phải thi hai môn thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của ngành đào tạo thứ hai;

- Việc quy định môn thi, nội dung, hình thức thi Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh sẽ thông báo trước cho thí sinh. Mọi quy định về ra đề, bảo mật đề thi, tổ chức thi, chấm thi vận dụng các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy định công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần

a. Người học liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học và học liên thông đối với người đã tốt nghiệp đại học sẽ được Nhà trường công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học, trên cơ sở đối chiếu, so sánh về chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá và kết quả học tập của người học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học với chương trình đào tạo đại học hiện hành của Nhà trường.

b. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn để công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ cho từng người học.

c. Căn cứ kết quả của Hội đồng chuyên môn, Nhà trường sẽ ban hành quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ cho từng sinh viên và công bố công khai theo đúng quy định.

### **Điều 34. Xử lý vi phạm đối với sinh viên**

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.



2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp sinh viên vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 35. Trách nhiệm của các đơn vị**

1. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, Phòng Đào tạo có trách nhiệm xây dựng các Quy định: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần; Quy định về điều kiện, hình thức, thời gian làm đồ án/khoá luận tốt nghiệp; các mẫu biểu phục vụ quản lý đào tạo và các quy định khác (nếu có) đảm bảo theo đúng Quy chế đào tạo và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

2. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các quyết định: Tổ chức đào tạo trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông (nếu có) đảm bảo đầy đủ các yêu cầu theo Quy chế này. Lưu ý, trong quyết định ban hành phải ghi rõ tên ngành đào tạo, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo (nếu có) và các thông tin khác có liên quan.

3. Trước khi áp dụng Quy chế, Nhà trường phải tập huấn cho tất cả các cán bộ, giảng viên trong toàn trường. Đồng thời phải tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên Quy chế đào tạo của trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay từ đầu khoá học.

4. Phòng Thanh tra & KĐCL có trách nhiệm thanh tra nội bộ việc thực hiện công tác tổ chức đào tạo và các nhiệm vụ khác có liên quan đến đào tạo.

#### **Điều 36. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai và điều khoản thi hành**

1. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

a. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm:

- Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khoá đào tạo và hình thức đào tạo;



- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương (nếu có).

b. Lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan đến công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:

- Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại trường;

- Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

- Việc tiêu hủy tài liệu liên quan đến tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

c. Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử của trường chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

- Quy chế đào tạo, các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

- Quyết định mở ngành và các quyết định nêu tại khoản 2 Điều 35 đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

- Các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

## 2. Điều khoản thi hành

a. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

b. Quyết định số 521/QĐ-ĐHCNQN ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 146A/QĐ-ĐHCNQN ngày 02 tháng 8 năm 2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tiếp tục được thực hiện cho các khoá đã tuyển sinh và nhập học trước ngày 06 tháng 8 năm 2021. Đối với các khoá tuyển sinh sau ngày 06 tháng 8 năm 2021 thực hiện theo Quy chế này.

